TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2020
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế H – Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị B
2. Bà Trần Thị M
Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thanh H - Thư ký tòa án nhân dân quận H.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị C - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 988/2019/HNGĐ ngày 21/10/2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/HNGĐ ngày 26/6/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Chị Lê Quỳnh T, sinh năm 1986.**
ĐKHKTT: Số 160, tổ 7, phường T, quận H, Hà Nội.
Chỗ ở: Số 582 phốTr, phường T, quận H; Có mặt.
***Bị đơn: Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1982.**
ĐKHKTT: Số 29A, ngõ 521,phố Tr, phường , quận H, Hà Nội.
Chỗ ở: P611, tầng 6, Chung cư Đ, phường V quận H, Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Quỳnh Tt trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Quốc T trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quậnH, Hà Nội vào ngày 20/8/2009.

Sau khi kết hôn,vợ chồng chị chung sống tại số 582 đường Tr, phường T, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ đẻ chị.

Vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung anh T không tu chí làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Hai bên cũng có trao đổi bàn

bạc tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Đến tháng 10/2018 do mâu thuẫn giữa anh chị trở nên trầm trọng hơn. Anh T cũng chuyển về ở với mẹ đẻ sống ở tại P611, tầng 6, Chung cư Đ phường V, quận H, Hà Nội vợ chồng sống ly thân nhau và không quan tâm đến nhau nữa.

Chị T xác định tình cảm với anh T không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T mà không cần tiến hành hòa giải nhiều lần để cho chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Bùi Quốc T có 02 con chung là Bùi Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/7/2009 và Bùi Nhật N, sinh ngày 29/10/2010. S au ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Quốc T không đến tòa nên tòa án không có ý kiến trình bày của anh: Khi đại diện Tòa án đến tống đạt văn bản tố tụng, anh T thể hiện ý chí không bao giờ đến Tòa án, Tòa án giải quyết như thế nào cũng được kể cả ly hôn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Quỳnh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh Bùi Quốc T.

Về con chung: Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con cả 02 con chung là Bùi Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/7/2009 và Bùi Nhật N, sinh ngày 29/10/2010. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Không có nên chị Lê Quỳnh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện dúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Bùi Quốc T đã được tòa án triệu tập nhiều lần tham gia tố tụng tại tòa án nhưng đều vắng mặt, Tòa án tiến hành các thủ tục giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Quốc Tuấn là đúng quy định của pháp luật.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Quỳnh T. Chị Lê Quỳnh T được ly hôn anh Bùi Quốc T.

- Về con chung: Giao cả hai con là Bùi Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/7/2009 và Bùi Nhật N, sinh ngày 29/10/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

- Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Chị Lê Quỳnh T xác nhận không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Quỳnh T thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Bùi Quốc T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng cụ thể: Ngày 28/10/2019, ngày 26/2/2020, ngày 12/5/2020 tiến hành các thủ tục tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt. Khi tống đạt các văn bản tố tụng anh T thể hiện ý chí không bao giờ đến Tòa và cứ giải quyết vụ án theo nguyện vọng của vợ.

Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết tại địa phương để giải quyết, xét xử vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Quốc T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Quốc T của chị Lê Quỳnh T, căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Quỳnh T và anh Bùi Quốc T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo "Giấy chứng nhận kết hôn" số 135 ngày 20/8/2009 tại UBND phường T, quận H, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã để thời gian cho hai bên hàn gắn, hòa hợp nhưng không có kết quả.

Khi Tòa án tiến hành hòa giải anh T từ chối tham gia chứng tỏ không có thiện chí đoàn tụ hàn gắn tình cảm gia đình, việc anh không đến Tòa án là gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không tôn trọng pháp luật.

Xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh chị chung sống được biết mâu thuẫn giữa hai bên căng thẳng do cách sống không phù hợp vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018. Hai con luôn ở với mẹ thỉnh thoảng anh T có đến thăm con.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Bùi Quốc T là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Quỳnh T và anh Bùi Quốc T có 02 con chung là Bùi Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/7/2009 và Bùi Nhật N, sinh ngày 29/10/2010. Hiện cả hai con chung vẫn đang ở với chị T. Chị T có đề nghị được nuôi con. Cả hai cháu Q, N đều có nguyện vọng được ở với chị . Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho chị Lê Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Bùi Quốc T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Lê Quỳnh T xác nhận không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Lê Quỳnh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ¸án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Quỳnh T đối với anh Bùi Quốc T. Chị Lê Quỳnh T được ly hôn anh Bùi Quốc T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Lê Quỳnh T và anh Bùi Quốc T có 02 con chung là Bùi Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/7/2009 và Bùi Nhật N, sinh ngày 29/10/2010. Giao cả hai con chung là Bùi Lê Ngọc Q, sinh ngày 12/7/2009 và Bùi Nhật N, sinh ngày 29/10/2010 cho chị Lê Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Lê Quỳnh T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

Anh Bùi Quốc T có quyền, nghĩa vụ gặp gỡ và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Lê Quỳnh T xác nhận không có nên Tòa không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Quỳnh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004805 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Chị Lê Quỳnh T đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Quỳnh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. H;
- Chi cục THADS Q. H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 ngày 14 tháng 7 năm 2020.
Tại: Trụ sở TAND quận Hoàng Mai, Hà Nội.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hùng
Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình
Bà Trần Thị Minh
Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 988/2019/ TLST–HNGĐ ngày 21/10/2019 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:
*Nguyên đơn: Chị Lê Quỳnh Trang, sinh năm 1986.
Trú tại: Số 582, Trương Định, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội; Có mặt.
*Bị đơn: Anh Bùi Quốc Tuấn, sinh năm 1982.
Trú tại: P611, tầng 6, Chung cư Đồng Phát, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội; Vắng mặt.
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Về tố tụng: Anh Bùi Quốc Tuấn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Quốc Tuấn.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- **Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ,án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về phần quyết định:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Quỳnh Trang. Chị Lê Quỳnh Trang được ly hôn anh Bùi Quốc Tuấn.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Bùi Lê Ngọc Quyên, sinh ngày 12/7/2009 và Bùi Nhật Nguyên, sinh ngày 29/10/2010 cho chị Lê Quỳnh Trang trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Lê Quỳnh Trang không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

Anh Bùi Quốc Tuấn có quyền, nghĩa vụ gặp gỡ và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Lê Quỳnh Trang xác nhận không có nên Tòa không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Quỳnh Trang phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Lê Quỳnh Trang đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0004805 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Chị Lê Quỳnh Trang đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Quỳnh Trang được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Quốc Tuấn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 7 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**